

**PRODUCT BACKLOGS**

**LUST**

**Version: 1.0**

**Project team: 44K221.09**

**Created date: 3/2/2020**

**TEAM 44K221.09**

Table ‑ Project Information

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Project Acronym** | WDL | | |
| **Project Title** | LUST | | |
| **Start Date:** | 12 - Aug - 2020 | | |
| **End Date:** | 15 - Dec - 2020 | | |
| **Project Owner** | Trần Quốc Trí | | |
| **Partner Organization** | Ph.D Cao Thị Nhâm | | |
| **Scrum Master** | Nguyễn Viết Anh | nvanh1011@gmail.com | +84858747405 |
| **Team Members** | Phạm Đỗ Vy Phương | ccvp151120@gmail.com | +84964671617 |
| Phạm Đình Khang | dinhkhang11223@gmail.com | +84355202624 |
| Lê Đặng Kiều My | kieumyledang@gmail.com | +8489818863 |
| Nguyễn Thị Ngọc Ánh | ntnanh57@gmail.com | +84364033016 |

Table ‑2 Document Information

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Document Title** | Product Backlog | | |
| **Author(s)** | Team 44K221.09 | | |
| **Role** | [LUST] Product\_Backlog v.1.0 | | |
| **Date** | 6/03/2021 | File name | [LUST]\_Proposal\_Documet\_v1.2 |
| **URL** |  | | |
| **Access** | Project team and mentor | | |

Table ‑3 Revision History

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Version** | **Person(s)** | **Date** | **Description** |
| 1.0 | Team 44K221.09 | 06-03-2020 | Khởi tạo Product backlog |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**Mục lục nội dung**

[1 Project Overview 5](#_Toc65359616)

[1.1 Background 5](#_Toc65359617)

[1.2 Prior Art 5](#_Toc65359618)

[1.3 Proposed solution 5](#_Toc65359619)

[1.4 Goals 5](#_Toc65359620)

[1.5 Techniques 6](#_Toc65359621)

[2 Time Estimation 6](#_Toc65359622)

[3 Master Schedule 7](#_Toc65359623)

[4 Roles and responsibilities 8](#_Toc65359624)

**Mục lục bảng**

[Table 1.1‑1 Project Information 2](#_Toc65930137)

[Table 1.1‑2 Document Information 3](#_Toc65930138)

[Table 1.1‑3 Revision History 3](#_Toc65930139)

[Table 1.3‑1 Definitions, acronyms and abbeviations 5](#_Toc65930140)

[Table 1.4‑1 References 5](#_Toc65930141)

# Introduction

## Purpose

Cung cấp danh sách các tính năng ưu tiên, chứa các mô tả ngắn gọn về tất cả các chức năng mong muốn trong sản phẩm.

Chứa danh sách đầy đủ tất cả các yêu cầu đang được xem xét, sắp xếp theo thứ tự và được sắp xếp theo ma trận với các đặc điểm chính khác để tạo điều kiện thuận lợi cho việc lập kế hoạch và ưu tiên.

## Scope

* Thể hiện vai trò của người dùng.
* Lưu trữ tất cả các yêu cầu của người dùng.
* Đưa ra mô tả ngắn gọn về tất cả các chức năng mong muốn trong sản phẩm.
* Ưu tiên từng tính năng của sản phẩm..

## Definitions, acronyms and abbeviations

Table ‑1 Definitions, acronyms and abbeviations

|  |  |
| --- | --- |
| Term | Definition |
| SDA | Smart Dashboard Application |
| PB | Product Backlog |
| H | Priority Level - High |
| M | Priority Level – Medium |
| L | Priority Level – Low |

## References

Table ‑1 References

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| No. | Document Name | Note |
| 1 | Proposal Document |  |

# Product Backlog

## User Stories

Table ‑1 User Stories

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ID | As a/an | I want to ... | so that ... | Priority | Status |
| PB01 | environment expert | view list of data cubes(DCs) | I can know exactly what data do i have, how many data cubes available and working with them | H | Done |
| PB02 | environment expert | select one data cube | I can drag that data cube into active page of Smart Dashboard Building | H | Done |
| PB03 | environment expert | visualise active data cube in different type | I can see the data displaying different ways like charts, maps, and data tables then I can clearly understand the data and use it | H | Done |
| PB04 | environment expert | select a new data cube to active page | I can display multiple data and connect them with the other data cubes | H | Done |
| PB05 | environment expert | link two data cubes in SDB | I can connect the data between two data cubes and display them in SDB | H | Done |
| PB06 | environment expert | create new data cube based on the two linked data cubes | I can manage that new data cube from two data cubes and use that new data cube for displaying and saving | H | Done |
| PB07 | environment expert | visualise a new data cube | I can view more data information about a new data cube | H | Done |

## Feature Description

Table ‑ Feature Description

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ID | Feature Name | Description | Priority | Status |
| PB01 | environment expert |  | H | Done |
| PB02 | environment expert |  | H | Done |
| PB03 | environment expert |  | H | Done |
| PB04 | environment expert |  | H | Done |
| PB05 | environment expert |  | H | Done |
| PB06 | environment expert |  | H | Done |
| PB07 | environment expert |  | H | Done |